

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày 09-9-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vy Thị Thơm;

Bà Đặng Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Chu Văn T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn Bản Q, xã N, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn L, sinh năm 1966 và bà Chu Thị N, sinh năm 1970; vợ con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn S-UBND, ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (cũ), tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC, ngày 23/9/2021 của Công an xã T, huyện L (cũ), tỉnh Lạng Sơn xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (cả 02 Quyết định đều được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2025 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Chu Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 27/4/2025, tại khu vực thôn Bản Roọc, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã M, tỉnh Lạng Sơn), tổ công tác gồm Công an xã T phối hợp với Công an xã T và Phòng Xuất nhập cảnh Công an tỉnh L đang làm nhiệm vụ thì phát hiện Chu Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12P1-105.87 chở theo hai người đàn ông là Trần Thế P (sinh năm 1990, trú tại thành phố L, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc) và Trần Hương D (sinh năm 1971, trú tại: huyện A, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc) cả 02 đang từ Việt Nam xuất cảnh về Trung Quốc, đều không có giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định.

Quá trình điều tra đã xác định hành vi của bị cáo Chu Văn T như sau: Khoảng 09 giờ ngày 26/4/2025, tại quán nước ở thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn), Chu Văn T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi, tự giới thiệu tên là Quốc K, trú tại xã K (nay là xã L), tỉnh Lạng Sơn. Qua trò chuyện, Chu Văn T giới thiệu nhà ở xã T (nay là xã N), tỉnh Lạng Sơn và bản thân thông thạo các đường đi ra khu vực biên giới. Sau đó, Quốc K thuê Chu Văn T đón 02 người Trung Quốc tại đầu làng K, thôn T, xã T (nay là xã K) đưa đến thôn Bản Roọc, xã T (nay là xã M), tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Chu Văn T đồng ý và được người này trả 200.000 đồng tiền công.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Chu Văn T từ nhà điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12P1-105.87 đến điểm hẹn, đến khoảng 22 giờ một chiếc taxi (không rõ biển số) chở 02 người Trung Quốc đến, sau đó rời đi hướng ra trung tâm huyện L (nay là xã L). Xác định đây là 02 người Trung Quốc xuất cảnh cần đón nhưng do lo sợ bị phát hiện, Chu Văn T đưa họ đến khu vực vắng để chờ thời điểm thích hợp. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/4/2025, Chu Văn T chở 02 người theo đường tỉnh lộ 237 và đường liên thôn B - P, xã T (nay là xã K) đến thôn Bản Roọc, xã T (nay là xã M), tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 02 giờ sáng, cùng ngày khi đến thôn Bản Roọc, cả ba bị lực lượng chức năng phát hiện. Chu Văn T bỏ lại xe và 02 người Trung Quốc, chạy trốn vào rừng. Sau đó, Chu Văn T và một người Trung Quốc bị bắt giữ, người còn lại đến 06 giờ 10 phút cùng ngày cũng bị phát hiện, bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKSLS-P2 ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Chu Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Chu Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12P1-105.87 bị cáo sử dụng để chở 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, bị cáo cho rằng là xe của bà Chu Thị N (mẹ của bị cáo) bỏ tiền mua ở cửa hàng tại thành phố L (cũ), bị cáo không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng để làm phương tiện đi lại trong gia đình. Việc bị cáo sử dụng xe để chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép bà Chu Thị N không biết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho bà Chu Thị N. Đối với chiếc điện thoại bị thu giữ là điện thoại của bị cáo, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị N trình bày tại phiên tòa: Bà là mẹ của bị cáo Chu Văn T. Khoảng tháng 3 năm 2025 bà cùng con trai là Chu Văn T đến cửa hàng xe máy tại thành phố L (cũ) nhưng không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể, để mua chiếc xe máy biển kiểm soát 12P1-105.87 với giá là 5.000.000 đồng. Số tiền mua xe là do bà vay mượn mà có. Bà không biết việc Chu Văn T sử dụng xe của bà để chở người xuất cảnh trái phép nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho bà để bà làm phương tiện đi lại.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị: Trả lại cho bà Chu Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu vàng đen, biển kiểm soát 12P1 – 105.87; Trả cho bị cáo Chu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 14 màu đen. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu số tiền 200.000 đồng đối với bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước. Về án phí, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Chu Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản sự việc ngày 27/4/2025 và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Ngày 27/4/2025, Chu Văn T đã có hành vi sử dụng xe mô tô chở 02 người Trung Quốc là Trần Thế P và Trần Hướng D tại khu vực biên giới từ thôn T, xã K đến thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn để 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và bị cáo được hưởng tiền công là 200.000 đồng. Khi Chu Văn T đang điều khiển xe chở 02 người Trung Quốc di chuyển trên đoạn đường thuộc địa phận thôn Bản Roọc, xã M, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, truy đuổi và bắt giữ. Với hành vi chở 02 người xuất cảnh trái phép để vụ lợi của bị cáo Chu Văn T đã

phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Chu Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh của N1, gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc đưa người khác xuất cảnh trái phép ra khỏi nước Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Chu Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 148/QĐ-UBND, ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (cũ), tỉnh Lạng Sơn và bị xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC, ngày 23/9/2021 của Công an xã T, huyện L (cũ), tỉnh Lạng Sơn. Mặc dù đã được xóa tiền sự nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[7] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tuy nhiên, cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để giảm phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 24/6/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T (cũ) là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của bị cáo thể hiện bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án, tại phiên tòa bị cáo cũng khẳng định bản thân chủ yếu làm ruộng không có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 12P1-

105.87 là phương tiện bị cáo sử dụng để chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ chiếc xe này là do bà Chu Thị N mua để phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình. Bà Chu Thị N chưa chuyển giao quyền sở hữu tài sản này cho bị cáo Chu Văn T do đó xác định tài sản này là tài sản thuộc sở hữu của bà Chu Thị N. Ngày 27/4/2025, bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô để chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép về Trung Quốc nhưng bà Chu Thị N không biết nên bà Chu Thị N không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu là bà Chu Thị N.

[9.2] Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 14 thu giữ của bị cáo Chu Văn T nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo được trả cho khi đưa người xuất cảnh trái phép là 200.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, cần truy thu để sung ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với Trần Thế P và Trần Hương D là hai người Trung Quốc được các đối tượng môi giới sắp xếp đưa đến khu vực biên giới để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam rồi sang Campuchia với mục đích tìm kiếm việc làm. Sau khi vào nội địa Việt Nam, vì có lý do cá nhân nên cả hai liên hệ lại với môi giới để được đưa xuất cảnh trái phép về Trung Quốc. Ngày 27/4/2025 Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Thế P và Trần Hương D. Ngày 09/5/2025, Trần Thế P và Trần Hương D đã được trao trả cho lực lượng chức năng Trung Quốc theo quy định.

[12] Đối với người đàn ông thuê bị cáo Chu Văn T chở 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép: Bị cáo không biết họ, không có số điện thoại mà chỉ biết tên Quốc K, nhà ở xã K, huyện L (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn). Xác minh tại xã K không có công dân tên Quốc K. Do vậy, không có căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với các đối tượng người Trung Quốc, người Việt Nam tổ chức cho Trần Thế P, Trần Hương D xuất cảnh, nhập cảnh trái phép: Các đối tượng khai không biết thông tin cụ thể nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với xe ô tô đưa 02 người Trung Quốc đến giao cho bị cáo Chu Văn T, do trời tối nên Chu Văn T không nhìn thấy người, không quan sát được biển số xe nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo Chu Văn T bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 27/4/2025).

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Trả cho bà Chu Thị N: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; màu vàng đen; biển kiểm soát 12P1 105.87; loại xe: hai bánh từ 50-175cm³; số loại: JA31WAVE RSX; số máy: JA31E0108307; Số khung: RLHJA3128EY018984, cũ đã qua sử dụng, dung tích xi lanh: 109cm³; năm sản xuất: 2014; số chỗ ngồi: 2; xe không có 02 gương chiếu hậu.

3.2. Trả cho bị cáo Chu Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 14 màu đen; số IMEI1: 864432072168180/08; IMEI2: 864432072168198/08; bên trong lắp 02 sim mạng V1, V; cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/8/2025 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn).

4. Về biên pháp tư pháp: Truy thu đối với bị cáo Chu Văn T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Chu Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam khu vực Lộc Bình –Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Thị Vệ